

Bản án số: 64/2019/DS-ST

Ngày: 06/5/2019

V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Võ Văn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè: Không tham dự phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 75/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-DS ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Nhật T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm: 1967.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2019)

Địa chỉ: Số 634, tổ 34, khu 2, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Anh **Đặng Văn Y**, sinh năm 1977.

- Chị **Phan Thị Z**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông X, anh Y có mặt tại phiên tòa; chị Z vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 của nguyên đơn ông Huỳnh Nhật T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:*

Vợ chồng anh Đặng Văn Y và chị Phan Thị Z là chỗ quen biết với anh T. Do vợ chồng anh Y, chị Z cần tiền xây nhà nên anh T có cho anh Y, chị Z mượn số tiền 268.000.000 đồng. Đến ngày 14/10/2015, anh Y có viết Biên nhận nợ cho anh T và

hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, do anh Y đại diện ký tên. Tuy nhiên, đến nay phía anh Y, chị Z vẫn chưa trả khoản tiền nào cho anh T. Nay anh T yêu cầu anh Y, chị Z phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền 268.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 14/10/2015 đến ngày xét xử.

** Tại Tò tư khai ngày 25/3/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Văn Y trình bày:* Vào khoảng năm 2015, anh có mua thiếu số đề của anh T nhiều lần qua điện thoại. Ngày 14/10/2015, anh T kêu giang hồ đe dọa anh viết biên nhận nợ. Anh thừa nhận Biên nhận ngày 14/10/2015 là do anh viết và ký tên. Tuy nhiên, số tiền 268.000.000 đồng là tiền nợ số đề chứ không phải tiền mượn như nguyên đơn trình bày. Nay anh đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 268.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng và xin không tính lãi.

** Tại Tò tư khai không đề ngày tháng năm bị đơn chị Phan Thị Z trình bày:* Chị là vợ của anh Đặng Văn Y. Từ trước giờ, chị không mượn tiền gì của anh T. Số tiền 268.000.000 đồng mà anh T khởi kiện theo Biên nhận ngày 14/10/2015 thì chị cũng không rõ là tiền gì. Chị chỉ biết anh Y có nợ tiền cờ bạc ở bên ngoài. Nay chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chị không có vay mượn số tiền trên.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông X chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 268.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất chậm trả; Bị đơn anh Y vẫn giữ ý kiến như trên, còn chị Z vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh T kiện anh Y, chị Z tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Anh T kiện anh Y, chị Z về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc ủy quyền:* Nguyên đơn anh T đã ủy quyền cho ông X theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/01/2019. Xét việc ủy quyền của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên ông X là đại diện theo ủy quyền của anh T.

- *Về việc vắng mặt của các đương sự:* Chị Z có Đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Z.

[2]. Về nội dung vụ án: Theo lời khai phía anh T trình bày vào năm 2015, anh có cho vợ chồng anh Y, chị Z mượn số tiền 268.000.000 đồng. Anh Y có viết Biên nhận nợ cho anh đề ngày 14/10/2015 và hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Biên

nhận nợ do anh Y viết và ký tên, đồng thời cung cấp chứng cứ là biên nhận nợ đề ngày 14/10/2015. Anh Y thừa nhận có nợ anh T số tiền 268.000.000 đồng và biên nhận nợ đề ngày 14/10/2015 do anh T cung cấp đúng là do anh viết và ký tên, nhưng anh cho rằng đây là tiền nợ mua số đề. Xét lời khai của anh Y là không có căn cứ, vì theo nội dung biên nhận nợ đề ngày 14/10/2015 nội dung anh Y mượn tiền anh T, việc anh khai nợ tiền số đề nhưng anh không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, phía anh T cũng không thừa nhận nên không chấp nhận lời khai này của anh Y và xác định đây là khoản tiền anh Y vay của anh T. Theo nội dung biên nhận, anh Y hứa trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Xét yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu anh Y trả số tiền 268.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, anh T yêu cầu chị Z là vợ anh Y cùng liên đới trả cho anh số tiền 268.000.000 đồng là không có cơ sở. Xét thấy, chứng cứ anh T cung cấp là biên nhận nợ đề ngày 14/10/2015. Theo nội dung biên nhận này chỉ có một mình anh Y là người vay nợ, không có chị Z và chị Z cũng không thừa nhận cùng anh Tiến vay số tiền này. Đồng thời, anh T cũng không có chứng cứ chứng minh chị Z cùng vay số tiền này. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc anh Y trả cho anh T số tiền là 268.000.000 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu chị Z cùng liên đới trả tiền.

Xét đề nghị rút phần yêu cầu tính lãi suất của phía nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Xét yêu cầu xin trả dần của anh Y là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền lợi của anh T và yêu cầu này cũng không được người đại diện theo ủy quyền của anh T đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của anh Y.

[3]. Về án phí:

- Nguyên đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự do phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T nên anh Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Nhựt T.

- Buộc anh Đặng Văn Y trả cho anh Huỳnh Nhựt T số tiền là 268.000.000 đồng.
- Không chấp nhận phần yêu cầu chị Phan Thị Z liên đới cùng anh Y trả nợ cho anh T.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Y chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của anh T về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Y chịu 13.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do phần yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 8.450.000 đồng theo biên lai thu số 09915 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên hoàn lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí là 8.150.000 đồng.

4/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Chị Z được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN